ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

TRƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG

PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2021

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Thảo**

Phản biện 1: .....:.....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài 2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài 5
7. Bố cục của luận văn 5
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN 6
1.1. Khái quát về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 6
1.1.1. Khái quát về tài sản góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, phân loại góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 7
1.2. Khái quát pháp luật góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 8
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về góp vốn trong công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 8
1.2.2. Nội dung pháp luật về góp vốn trong công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 9
Kết luận Chương 1 10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM 11
2.1. Thực trạng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 11
2.1.1. Quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trờ lên 11

2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. 15

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 16

2.2.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 16

2.2.2. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 17

Kết luận chương 2 19

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN TẠI VIỆT NAM 20

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 20

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải dựa trên quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước 20

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên theo hướng đồng bộ hóa hệ thống văn bản pháp luật..... 20

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế..... 20

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam..... 20

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật..... 20

3.2.2. Giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật..... 21

Kết luận chương 3 22

KẾT LUẬN 23

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế nước ta đang có những bước chuyển mạnh mẽ theo cơ chế thị trường, việc thừa nhận tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần; cơ chế quản lý thông thoáng; hành lang pháp lý dần được hoàn thiện đã phần nào thúc đẩy tạo điều kiện cho các chủ thể mạnh dạn đầu tư, gia nhập thị trường tiến hành các hoạt động kinh doanh thương mại. Một trong những văn bản pháp lý có đóng góp to lớn, kế thừa và khắc phục những điểm hạn chế, bất cập của quy định trước đó đồng thời thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn tạo điều kiện cho các chủ thể dễ dàng gia nhập thị trường và tiến hành đầu tư đó chính là Luật doanh nghiệp.

Trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của Luật Doanh nghiệp 1999 và Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015 với nhiều quy định mới đã và đang góp phần to lớn trong việc tạo hành lang pháp lý an toàn, thông thoáng đối với việc thành lập doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta hiện nay. Sau gần 5 năm áp dụng trong thực tiễn, Luật Doanh nghiệp 2014 đã phần nào tháo gỡ những hạn chế, bất cập của luật cũ, tiếp tục hoàn thiện, trên đà tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, một điều không thể tránh khỏi như bất cứ một đạo luật nào khác, Luật Doanh nghiệp 2014 không thể tiên liệu hết các vấn đề pháp lý phát sinh và hoàn thiện một cách triệt để các quy định cũ. Do đó việc tồn tại các quy định chưa phù hợp hay chưa điều chỉnh kịp thời các vấn đề pháp lý phát sinh là điều tất yếu.

Luật doanh nghiệp 2020 mới được ban hành, có hiệu lực vào 01/01/2021 phần nào khắc phục được một số hạn chế của Luật doanh nghiệp 2014, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số quy định về góp vốn đối với doanh nghiệp nói chung và trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chưa được khắc phục, cần phải được sửa đổi bổ sung kịp thời, nhằm đảm bảo quyền lợi ích cho doanh nghiệp, cho nhà đầu tư và các chủ thể liên quan.

Hiện nay chưa có bài viết nghiên cứu cụ thể việc góp vốn thành lập, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà chủ yếu nghiên cứu về góp vốn thành lập doanh nghiệp nói chung hay góp vốn trong công ty cổ phần. Vì vậy việc nghiên cứu để làm rõ các quy định pháp luật hiện hành về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên như: chủ thể góp vốn, định giá tài sản góp vốn, việc tiếp nhận thành viên mới để tăng vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; từ đó chỉ ra những quy định chưa phù hợp và kiến nghị hoàn thiện là cần thiết. Đó cũng chính là lý do tác giả lựa chọn **"Pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên"** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp của mình.

Việc nghiên cứu, làm rõ các quy định pháp luật hiện hành về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện có ý nghĩa không chỉ về mặt lý luận mà còn đóng góp phần nào đó cho công tác sửa đổi, bổ sung một số quy định Luật Doanh nghiệp trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Góp vốn là một vấn đề kinh tế và pháp lý gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thực sự có hiệu quả thì điều đầu tiên mà các doanh nghiệp quan tâm và nghĩ đến là làm thế nào để có đủ vốn và sử dụng nó như thế nào để đem lại hiệu quả cao nhất. Và để có thể hình thành nguồn vốn cho doanh nghiệp thì một kênh huy động khá quan trong đó là góp vốn. Các nội dung về góp vốn không còn là vấn đề mới lạ đối với khoa học pháp lý, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này.

Một số công trình nghiên cứu ở dạng các bài báo khoa học như: *"Những hạn chế liên quan đến việc thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp năm 2014 và một số kiến nghị"* của Th.S Nguyễn Thanh Tùng đăng trên tạp chí tòa án nhân dân, sô 12 (kỳ II tháng 6/2017); *"Hoàn thiện một số quy định về vốn của doanh nghiệp trong luật DN 2014*" của tác giả Nguyễn Thị Ánh Vân, tạp chí luật học số 11/2016; *"Luật DN năm 2014- Những bất cập cần khắc phục*" của Trần Thị Bảo Ánh, tạp chí luật học số 5/2017; "*Pháp luật về doanh nghiệp và các vấn đề pháp lý cơ bản*" của Luật sư Trương Nhật Quang, NXB Dân trí. Các bài nghiên cứu này đã đề cập đến các nội dung mang tính bao quát chung về góp vốn như: chủ thể có quyền góp vốn thành lập trong doanh nghiệp, tài sản góp vốn, vấn đề định giá tài sản góp vốn doanh nghiệp và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện một số quy định về góp vốn nói chung đối với doanh nghiệp trong Luật doanh nghiệp 2014.

Bên cạnh đó còn có các bài nghiên cứu *"Hoàn thiện pháp luật về góp vốn bằng nhãn hiệu hàng hóa tại Việt Nam"* hay *"Hoàn thiện quy định về định giá tài sản trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế"* của của tác giả Lê Minh Thái đăng trên tạp chí Tài chính năm 2017; Luận án: *"Pháp luật về góp vốn bằng quyền sử dụng đất*" của Sỹ Hồng Nam (2017); "*Nhận diện hoạt động góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ*" (2018), "*Rủi ro pháp lý đối với góp vốn thành lập công ty bằng quyền sở hữu trí tuệ và giải pháp phòng ngừa*" (2019), của Nguyễn Thị Phương Thảo đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Các nghiên cứu này đề cập đến một số nội dung cụ thể liên quan đến góp vốn như: chủ thể định giá tài sản góp vốn, góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, góp vốn bằng nhãn hiệu hàng hóa... và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

Qua các công trình nghiên cứu trên, một số vấn đề liên quan đến đề tài cũng đã được nêu ra như: chủ thể góp vốn thành lập, chủ thể định giá tài sản góp vốn, tài sản góp vốn bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu trí tuệ...Tuy nhiên, những vấn đề nêu trên mới chỉ được tìm hiểu chung về góp vốn hoặc một số nội dung nhỏ cụ thể liên quan đến góp vốn trong doanh nghiệp mà chưa được phân tích cụ thể trong mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hành thành viên trở lên.

Trên cơ sở kế thừa những kết quả đã đạt được của các công trình nghiên cứu trên, đề tài sẽ tiếp tục nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng, đồng thời có định hướng về việc xây dựng và đề xuất các giải pháp như:

Thứ nhất, về mặt lý luận. Đề tài phân tích và đưa ra khái niệm, đặc điểm, phân loại góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, pháp luật và nội dung pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Thứ hai, về mặt thực tiễn. Đề tài phân tích thực trạng quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trong đó tập trung vào các nội dung trọng tâm: chủ thể có quyền góp vốn, tài sản góp vốn, định giá tài sản góp vốn, thực hiện nghĩa vụ góp vốn và cơ chế giám sát thực hiện nghĩa vụ góp vốn. Đánh giá thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên qua nhu cầu về thành lập mô hình doanh nghiệp này và một số tranh chấp liên quan. Để từ đó chỉ ra những vấn đề vướng mắc, bất cập của pháp luật hiện hành và thực tiễn tổ chức thực hiện. Từ đó đề xuất các kiến nghị sửa đổi bổ sung hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Thứ ba, đề tài đề xuất phương hướng hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và các giải pháp cụ thể trên cơ sở lý luận cũng như phân tích thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn tổ chức thực hiện nhằm giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài phân tích làm rõ các vấn đề lý luận, quy định pháp luật, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế trong quy định pháp luật, nhằm tổng hợp xây dựng các luận cứ, các đề xuất góp phần hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu đề tài có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên như: Làm rõ khái niệm và bản chất của tài sản góp vốn, phân loại, đánh giá, định giá, giá trị của tài sản; ý nghĩa và vai trò của tài sản góp vốn, hậu quả pháp lý của việc góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên…

Thứ hai, nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bao gồm cả việc nghiên cứu về những điểm thiếu sót, chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập của pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đánh giá thực trạng của quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thực tiễn áp dụng, để từ đó xác định được

những điểm cần sửa đổi, bổ sung trong các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Cuối cùng, trên cơ sở những bất cập đã được xác định, từ đó đề tài đề xuất những kiến nghị, giải pháp pháp lý cụ thể trong việc sửa đổi, bổ sung các qui định pháp luật Việt Nam hiện hành về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đồng thời xác định cơ sở lý luận và thực tiễn cần thiết làm căn cứ cho việc đề xuất những kiến nghị và giải pháp cụ thể đó.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong khuôn khổ của luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ giới hạn nghiên cứu những nội dung sau:

- Quan điểm, đường lối, chủ trương về chính sách về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên như như: Luật Doanh nghiệp 2014, Luật doanh nghiệp 2020; Bộ luật dân sự năm 2015; Luật sở hưu trí tuệ 2005, Luật đất đai 2013 vv...

- Thực tiễn thực hiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên qua các báo cáo, bản án

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam.

- Phạm vi không gian: Cả nước
- Phạm vi thời gian: 2015 - 2019
- Phạm vi địa bàn: Cả nước..

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước ta về phát triển kinh tế xã hội, xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích văn bản: phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm và quy định của pháp luật.

- Phương pháp so sánh pháp luật: được sử dụng trong luận văn để so sánh quy định pháp luật trong các văn bản khác nhau, chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải, phương pháp dự báo khoa học được sử dụng chủ yếu trong chương 3 để đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn được hoàn thành sẽ có một số đóng góp mới trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

- Về mặt lý luận: những kết quả thu được thông qua thực hiện đề tài sẽ bổ sung cơ sở thực tiễn để đánh giá chung về pháp luật liên quan đến thủ tục giải thể doanh nghiệp. Đồng thời bổ sung, hoàn thiện những quy định pháp luật Nhà nước về thủ tục giải thể đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả.

- Về mặt thực tiễn: góp phần hoàn thiện pháp luật về giải thể doanh nghiệp, góp phần hạn chế, giải tỏa những vướng mắc về pháp lý và thực tiễn áp dụng pháp luật về giải thể doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1.1. Khái quát về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1.1.1. Khái quát về tài sản góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1.1.1.1. Khái niệm, dặc điểm tài sản góp vốn

Pháp luật hiện hành không quy định như thế nào là tài sản góp vốn, mà chỉ đưa ra quy định chung về tài sản trong BLDS, và liệt kê những loại tài sản được sử dụng góp vốn vào công ty trong LDN. Trên cơ sở các phân tích về tài sản và bản chất của hành vi góp vốn vào công ty nói chung và cụ thể TNHH2TV trở lên có thể đưa ra khái niệm về tài sản góp vốn như sau: "*Tài sản góp vốn là những tài sản có thể xác định được giá trị và có thể giao dịch được*".

Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH2TV trở lên có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, tài sản góp vốn phải được phép lưu thông trong giao dịch dân sự.

Thứ hai, tài sản được sử dụng để góp vốn phải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của người góp vốn.

Thứ ba, tài sản góp vốn có thể chuyển giao được cho doanh nghiệp góp vốn vào.

Thứ tư, tài sản góp vốn phải không có tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án.

1.1.1.2. Các hình thức góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Về nguyên tắc, những gì được gọi là tài sản theo quy định BLDS (BLDS hiện hành là BLDS 2015) thì đều có thể đem góp vốn. Tuy nhiên trên thực tế những tài sản đem đi góp vốn phải là những tài sản có thể xác định được giá trị và có thể giao dịch được.

a. Góp vốn bằng tiền

Góp vốn bằng tiền là một trong các hình thức góp vốn phổ biến nhất hiện nay. Theo đó, các tổ chức, cá nhân là thành viên góp vốn sử dụng một khoản tiền thuộc sở hữu của mình đưa vào công ty. LDN quy định tiền sử dụng để góp vốn có thể là tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi.

b. Góp vốn bằng vật

Góp vốn bằng vật là việc cá nhân hay tổ chức chuyển quyền sở hữu một tài sản bằng hiện vật của mình cho công ty và hưởng các quyền và quyền lợi từ công ty .

c. Góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất

Góp vốn bằng quyền sử dụng đất là một trong các hình thức phổ biến hiện nay. Việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đáp ứng các điều kiện: (i) có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (ii) không có tranh chấp; (iii) không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; (iv) trong thời hạn sử dụng đất.

đ. Góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ

Góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ là việc chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản trí tuệ sang cho công ty TNHH2TV trở lên để trở thành chủ sở hữu chung của công ty.

Đối với hình thức góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu trí tuệ phải tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn trong doanh nghiệp và quy định riêng về trình tự chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

e. Các hình thức góp vốn khác

Ngoài ra, thực tiễn hiện nay, tồn tại các hình thức góp vốn với các loại tài sản khác như sản nghiệp thương mại, tri thức...

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, phân loại góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1.1.2.1. Khái niệm góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

LDN 2014, LDN 2020 chỉ đưa ra khái niệm chung về góp vốn chứ không quy định khái niệm góp vốn riêng cho từng mô hình doanh nghiệp. Cụ thể : "*Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã thành lập".*

Theo đó, Trên cơ sở quy định về góp vốn nói chung chúng ta có thể đưa ra định nghĩa về góp vốn trong công ty TNHH 2TV trở lên như sau: **"***Góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty TNHH2TV trở lên. Góp vốn trong công ty TNHH 2TV trở lên bao gồm góp vốn để thành lập công ty TNHH2TV trở lên hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty TNHH2TV trở lên đã thành lập."*

1.1.2.2. Đặc điểm góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Về chủ thể, chỉ các chủ thể không bị LDN cấm thành lập, góp thêm vốn vào doanh nghiệp mới có quyền góp vốn thành lập, góp thêm vốn vào công ty TNHH2TV trở lên.

Về bản chất pháp lý, góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là một hành vi pháp lý.

Về hậu quả pháp lý, tùy thuộc vào từng trường hợp mà việc góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên sẽ dẫn đến các hậu quả pháp lý khác nhau. Trường hợp cá nhân, tổ chức góp vốn để thành lập doanh nghiệp, trên thực tế tại thời điểm thành lập người góp vốn chưa thực hiện hoàn tất hành vi góp vốn mà họ có thể chỉ mới cam kết với nhau về việc góp vốn. Tại thời điểm này việc góp vốn thực tế chưa diễn ra, tuy nhiên trên cơ sở cam kết đã được xác lập, đây chính là một trong những yếu tố hoàn tất hồ sơ thành lập doanh nghiệp. Trường hợp công ty TNHH2TV trở lên đã được cấp GCNĐKDN và tiến hành hoạt động kinh doanh, hành vi góp vốn của cá nhân tổ chức trong trường hợp này không góp phần vào việc hình thành công ty mà làm thay đổi số lượng thành viên và vốn điều lệ hiện có của công ty.

1.1.2.3. Phân loại góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Nếu xem xét thời điểm góp vốn và mục đích góp vốn, có thể chia góp vốn thành hai loại: góp vốn để thành lập công ty TNHH2TV trở lên và góp thêm vốn điều lệ của công ty TNHH2TV trờ lên.

Trong đó, góp vốn để thành lập công ty TNHH2TV trở lên: là trường hợp cá nhân, tổ chức góp tài sản theo cam kết ban đầu mà cá nhân, tổ chức đã hứa hẹn sẽ góp vào doanh nghiệp để trở thành chủ sở hữu công ty TNHH2TV trở lên.

Góp thêm vốn điều lệ của công ty TNHH2TV trở lên đã thành lập: là trường hợp cá nhân, tổ chức tiến hành góp tài sản để trở thành chủ sở hữu công ty TNHH2TV trở lên, nhưng cam kết hoặc thỏa thuận góp vốn của họ được hình thành sau khi công ty đã được cấp GCNĐKDN và đã đi vào hoạt động.

Căn cứ vào phương thức thực hiện hành vi góp vốn có thể chia góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên thành: Góp vốn khi thành lập; Góp vốn khi công ty tăng vốn điều lệ; Góp vốn khi nhận chuyển nhượng phần vốn góp; Góp vốn khi nhận tặng cho phần vốn góp; Góp vốn khi nhận thừa kế phần vốn góp.

1.1.2.4. Vai trò của việc góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là một trong những cách thức hình thành nguồn tài sản cho công ty.

Góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là một trong những phương thức hình thành tư cách thành viên công ty TNHH2TV trở lên của các nhà đầu tư.

Góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là một trong những nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh được cụ thể hóa trong LDN. Hiến pháp 2013 tại điều 33 có quy định rõ "*mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*".

1.2. Khái quát pháp luật góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về góp vốn trong công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1.2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam

Các giai đoạn phát triển của chế định góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên gắn liền với sự phát triển của pháp luật về công ty TNHH mà cụ thể là công ty TNHH2TV trở lên. Có thể chia thành các giai đoạn: (i) giai đoạn trước năm 1999; (ii) giai đoạn sau 1999 đến 2014; (iii) giai đoạn từ năm 2014 đến nay.

a. Sự hình thành và phát triển pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên giai đoạn trước năm 1999.

b. Sự hình thành và phát triển pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên giai đoạn từ sau năm 1999 đến 2014

c. Sự hình thành và phát triển pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên giai đoạn từ năm 2014 đến nay

1.2.1.2. Khái niệm pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của Nhà nước của giai cấp thống trị trên cơ sở ghi nhận các nhu cầu về lợi ích của xã hội, được đảm bảo thực hiện bằng Nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội với mục đích trật tự và ổn định xã hội vì sự phát triển bền vững của xã hội. Việc góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên chịu sự điều chỉnh LDN và các văn bản pháp luật chuyên ngành đối với từng loại tài sản góp vốn cụ thể.

Vì vậy có thể đưa ra khái niệm: "*Pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp quan hệ xã hội phát sinh giữa bên góp vốn với công ty TNHH2TV trở lên trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn và quan hệ giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với công ty TNHH2TV trở lên trong việc đăng ký, thay đổi chủ sở hữu, sử dụng đối với tài sản góp vốn".*

Ngoài ra, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên còn được hiểu theo nghĩa hẹp, đó là "*tập hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành được quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản dưới luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên".* Trong phạm vi luận văn của mình, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên theo nghĩa hẹp.

1.2.1.3. Đặc điểm pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Thứ nhất, góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên được điều chỉnh bằng pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản góp vốn.

Thứ hai, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là một trong những chế định cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh.

Thứ ba, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là một trong những chế định quan trọng của pháp luật về công ty TNHH2TV trở lên.

Thứ tư, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là cơ sở cho việc phát sinh quyền sở hữu đối với phần vốn góp của người góp vốn, cơ sở pháp lý cho cơ chế giải quyết các mối quan hệ phát sinh trong quá trình góp vốn.

1.2.2. Nội dung pháp luật về góp vốn trong công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Các nhóm quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên cần được pháp luật điều chỉnh gồm:

Một là, nhóm quan hệ liên quan đến tài sản góp vốn.

Hai là nhóm quan hệ liên quan đến việc xác định tư cách chủ thể có quyền góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên.

Ba là, nhóm quan hệ xã hội liên quan đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện góp vốn.

Bốn là, nhóm quan hệ xã hội liên quan đến cơ chế giám sát việc thực hiện nghĩa vụ góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên.

Kết luận Chương 1

Như vậy, trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, có thể rút ra những kết luận sau:

1. Tài sản được sử dụng để góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên rất đa dạng, tùy thuộc vào từng loại tài sản mà sẽ có những quy định khác nhau buộc các bên trong quan hệ góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên phải đảm bảo thực hiện đúng.

2. Góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm góp vốn để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã thành lập.

3. Pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được hiểu theo nghĩa rộng là hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp quan hệ xã hội phát sinh giữa bên góp vốn với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn và quan hệ giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong việc đăng ký, thay đổi chủ sở hữu, sử dụng đối với tài sản góp vốn. Tuy nhiên trong phạm vi nghiên cứu luận văn chỉ nghiên cứu pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo nghĩa hẹp "là tập hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành được quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản dưới luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên".

4. Nội dung pháp luật góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được xác định trên những quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Bao gồm các quy định về chủ thể có quyền góp vốn, tài sản góp vốn, thực hiện nghĩa vụ góp vốn, cơ chế giám sát hoạt động góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Những kết quả nhiên cứu lý luận về pháp luật góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên tại chương 1 sẽ là cơ sở cho việc đánh giá thực trạng quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại chương 2.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

2.1.1. Quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trờ lên

2.1.1.1. Quy định về tài sản góp vốn

a. Quy định về tài sản góp vốn

LDN 2020 tại điều 34 quy định:

"*1. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam...*"

Theo đó quy định về tài sản góp vốn được giữ nguyên quy định tại khoản 1 điều 35 LDN 2014 và sửa đổi khoản 2 điều này theo hướng bãi bỏ quy định giải thích về tài sản góp vốn là quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời bổ sung quy định về tính hợp pháp của tài sản góp vốn. Theo đó, các hạn chế trong LDN 2014 khi không quy định và đề cập đến tính hợp pháp của tài sản góp vốn, các điều kiện để một tài sản được sử dụng góp vốn đã được khắc phục. Cụ thể, tại khoản 2 điều 34 LDN 2020 quy định: "*Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều này mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật*". Đây là quy định mới tiến bộ nhằm hạn chế rủi ro cho các chủ thể khi thực hiện hành vi góp vốn, đặc biệt là chủ thể tiếp nhận vốn.

b. Quy định về định giá tài sản góp vốn và trách nhiệm của các bên định giá.

Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập .

LDN 2014 và LDN 2020 đã tiến bộ hơn LDN 2005 khi trao thẩm quyền định giá tài sản vốn trong doanh nghiệp cho hai nhóm chủ thể: (i) thành viên, cổ đông sáng lập khi thành lập; thành viên góp vốn và doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. (ii) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp ở bất kỳ thời điểm nào, thay vì chỉ thừa nhận thẩm quyền định giá của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp khi doanh nghiệp đã đi vào hoạt động.

Về cơ bản, LDN 2020 kế thừa toàn bộ nội dung quy định về định giá tài sản góp vốn tại điều 36, nội dung quy định trên không có gì thay đổi, tuy nhiên xét dưới góc độ sử dụng từ ngữ thì từ "đa số" đã được thay thế bằng "trên 50%" đảm bảo sự rõ ràng dễ hiểu cho các chủ thể trong quá trình áp dụng trên thực tế.

c. Quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn

Theo quy định LDN 2014, khi góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên, tài sản góp vốn phải được chuyển quyền sở hữu cho công ty.

(i) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(ii) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.

(iii) Phần vốn góp bằng tài sản không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.

Trên cơ sở kế thừa quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn tại điều 36 LDN2014, LDN 2020 tại điều 35 đã sửa đổi bổ sung một số nội dung như:

(i) Bổ sung *"trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản*" trong quy định đối với việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn không đăng ký quyền sở hữu.

(ii) Thay thế quy định tại điểm c khoản 1 điều 36 LDN 2014 về thời điểm hoàn tất thủ tục góp vốn đối với phần vốn góp không phải là là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng bằng một quy định chung đối với việc góp vốn tại khoản 3 điều 35: "*Việc góp vốn chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty*". Như vậy LND 2020 không còn giới hạn về tài sản, theo đó tất cả các loại tài sản được sử dụng góp vốn đều sẽ được coi là thanh toán xong khi chuyển quyền sở hữu hợp pháp tài sản sang cho doanh nghiệp nói chung và cụ thể là công ty TNHH2TV trở lên.

(iii) Bổ sung "*và hình thức khác không bằng tiền mặt*" trong quy định về thanh toán đối với hoạt động mua bán chuyển nhượng phần vốn góp, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài đều phải được thực hiện thông qua tài khoản theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối

2.1.1.2. Quy định về chủ thể có quyền góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

a. Quy định về chủ thể có quyền góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Công ty TNHH2TV trở lên là một loại hình doanh nghiệp, do đó các cá nhân, tổ chức có nhu cầu góp vốn thành lập công ty TNHH2TV trở lên phải đáp ứng quy định về chủ thể có quyền góp vốn thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014 quy định: "Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 này, trừ các trường hợp:

i) Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

ii) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

iii) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt

Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

iv) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

v) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

vi) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng."

Đến LDN 2020, cùng với sự kế thừa toàn bộ các quy định tại khoản 2 điều 18 LDN 2014, thì khoản 2 điều 17 quy định về các chủ thể bị cấm quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH2TV trở lên đã được bổ sung thêm 4 trường hợp:

(i) Người có khó khăn trong nhận thức, điều khiển hành vi;

(ii) Công nhân Công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an Nhân dân Việt Nam;

(iii) Người bị tạm giam;

(iv) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong mốt số lĩnh vực nhất định theo quy định của BLHS.

b. Chủ thể có quyền góp vốn, mua phần vốn góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Mọi tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua phần vốn góp trong công ty TNHH2TV trở lên trừ các trường hợp sau:

Một là, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình. Đối với trường hợp này, lý do LDN hạn chế quyền góp vốn đối với các chủ thể trên được hiểu như phần quy định hạn chế quyền góp vốn thành lập và quản lý DN.

Hai là, các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

LDN 2020 tại điểm b khoản 3 điều 17 đã sửa đổi theo hướng liệt kê cụ thể các văn bản pháp lý liên quan đến đối tượng bị cấm góp vốn. Cụ thể, nếu như LDN 2014 chỉ quy định cấm các đối tượng không được góp vốn theo quy định pháp luật cán bộ, công chức một cách chung chung, thì LDN 2020 đã liệt kê rất rõ những nguồn quy định về việc cấm góp vốn. Cụ thể cấm góp vốn đối với : "*Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng*".

2.1.1.3. Quy định về trách nhiệm chủ thể khi thực hiện việc góp vốn

a. Quy định về thời hạn góp vốn

LDN 2014 không dành riêng một điều quy định về thời hạn góp vốn đối với công ty TNHH2TV trở lên mà quy định lồng ghép trong điều 48 tại khoản 2. Theo đó, thời hạn thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào công ty TNHH2TV trở lên chỉ quy định đối với trường hợp góp vốn thành lập công ty, theo đó "Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp".

Quy định này tiếp tục được LDN 2020 kế thừa tại điều 47 khoản 2, ngoài ra còn bổ sung quy định nhằm kéo dài thời hạn góp vốn đối với tài sản trong thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản, trong thời gian này các thành viên vẫn có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết, đồng thời có quyền thay đổi tài sản góp vốn khi có sự tán thành trên 50% số thành viên còn lại.

b. Quy định về trách nhiệm chủ thể góp vốn khi vi phạm nghĩa vụ góp vốn và hậu quả pháp lý

Điều 48 LDN 2014 quy định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thành viên công ty phải thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào doanh nghiệp. Trong thời hạn này, họ sẽ có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp. Tuy nhiên, quá thời hạn nêu trên mà vẫn có thành viên chưa góp vốn theo cam kết thì họ đương nhiên không còn là thành viên của công ty, nếu thành viên chưa góp đủ phần vốn góp như đã cam kết thì họ chỉ có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp. Phần vốn góp chưa góp của các thành viên sẽ được chào bán theo quyết định của HĐTV.

Quy định tiến bộ tại điều 48 LDN 2014 được LDN 2020 kế thừa hoàn toàn tại điều 47. Tuy nhiên, LDN 2020 đã sửa đổi quy định về nghĩa vụ của công ty sau khi kết thúc thời hạn góp vốn. Theo đó, thay vì kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ đăng ký thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên công ty trong 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn góp vốn như khoản 4 điều 48 LDN2014. Thì khoản 4 LDN 2020 đã rút ngắn xuống chỉ còn 30 ngày, nhằm hạn chế rủi ro cho chủ thể góp vốn và các chủ thể liên quan, tránh trường hợp công ty kéo dài thời gian buộc các chủ thể góp vốn phải liên đới chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn cam kết góp của họ trong khi họ mới chỉ góp một phần hoặc chưa góp.

2.1.1.4. Quy định kiểm soát quá trình góp vốn

Việc giám sát hoạt động của doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của LDN 2005 về thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào doanh nghiệp "*không được tiến hành thường xuyên, dường như bị thả nổi"*. Do đó, đến LDN 2014 các quy định này đã được bãi bỏ. Hiện nay, LDN 2020 cũng chưa có quy định nào nhằm kiểm soát hoạt động góp vốn cho hiệu quả mà cũng chỉ thông qua các cơ chế kiểm soát gián tiếp.

2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2.1.2.1. Những ưu điểm trong quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Một là, pháp luật về góp vốn nói chung và pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên đã góp phần thể hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong việc thực hiện chính sách "mở cửa" đối với nền kinh tế, mở rộng quyền tự do kinh doanh, thừa nhận và tạo điều kiện kinh doanh cho các thành phần kinh tế trong xã hội.

Hai là, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên ngày càng hoàn thiện và phù hợp với thực tiễn.

Ba là, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư trong nền kinh tế.

Bốn là, pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên tạo thuận lợi cho các mô hình kinh doanh phát triển, đặc biệt là mô hình công ty TNHH2TV trở lên, nâng cao khả năng cạnh tranh góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế trong nước.

2.1.2.2. Một số hạn chế trong quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

a. Hạn chế trong quy định về quyền góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên.

Luật doanh nghiệp 2014 ra đời có nhiều thay đổi so với Luật doanh nghiệp 2005 theo hướng ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn với thực tế. Tuy nhiên bên cạnh những quy định tiến bộ LDN 2014 vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong quy định về quyền góp vốn thành lập doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH2TV trở lên nói riêng của các nhà đầu tư. Bên cạnh một số trong các hạn chế đã được LDN 2020 sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp thì vẫn còn nhiều quy định vẫn chưa được sửa đổi. Cụ thể

Một là, quyền góp vốn thành lập công ty TNHH2TV trở lên của cá nhân.

Thứ nhất, quy định cấm người chưa thành niên không được góp vốn thành lập doanh nghiệp chưa phù hợp với với quy định pháp luật dân sự, hôn nhân và gia đình.

Thứ hai, quy định cấm người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự góp vốn thành lập doanh nghiệp là bất hợp lý hoặc chưa rõ ràng, chưa đồng nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Hai là, quyền góp vốn thành lập công ty TNHH2TV trở lên của tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh với mục đích thu lợi riêng cho cơ quan đơn vị mình.

b. Hạn chế trong quy định về định giá tài sản góp vốn và trách nhiệm của các bên định giá.

Một là, LDN chưa quy định cụ thể rõ ràng trong việc xác định hành vi bị cấm khi tiến hành định giá tài sản góp vốn.

Hai là, LDN chưa quy định đầy đủ về trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình định giá tài sản góp vốn.

Ba là, LDN chưa có quy định cụ thể xác định phạm vi trách nhiệm liên đới khi định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

Bốn là, LDN chưa có quy định về việc xác định lại tỉ lệ phần vốn góp của các thành viên trong công ty sau khi xử lý hậu quả của việc định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế của tài sản góp vốn.

Năm là, LDN chưa có quy định liên quan về việc định giá tài sản góp vốn thấp hơn giá trị thực tế tài sản góp vốn tại thời điểm góp.

c. Hạn chế trong quy định về chuyển quyền sở hữu góp vốn

LDN 2014, và đến nay là LDN 2020 quy định khá rõ ràng và cụ thể về việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn đối với từng loại tài sản trên sở tài sản đó có đăng ký quyền sở hữu hay không. Tuy nhiên, quy định về việc tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản chưa thực sự hợp lý đối với tất cả các tài sản thuộc nhóm này. Đặc biệt là đối với tài sản vô hình. Bản chất của góp vốn bằng tài sản vô hình là việc người góp vốn chuyển giao những quyền tài sản (tài sản vô hình) của mình cho doanh nghiệp để đổi lại những lợi ích từ việc góp vốn đó. Thông qua hành vi góp vốn, mối quan hệ pháp lý được tạo lập, người góp vốn có nghĩa vụ phải chuyển giao những quyền tài sản của mình sang cho thương nhân.

d. Hạn chế trong quy định về thời hạn góp vốn.

Nếu xem xét tổng thể quy định về công ty TNHH2TV trở lên, có thể nhận thấy ngoài quy định về thời hạn thực hiện việc góp vốn sau khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì LDN 2014 và cả LDN 2020 đều không có bất cứ quy định nào về thời hạn góp vốn tại thời điểm khác.

e. Hạn chế trong quy định về trách nhiệm chủ thể góp vốn khi vi phạm nghĩa vụ góp vốn và hậu quả pháp lý

LDN 2014 vẫn còn tồn tại thiếu sót khi không quy định cụ thể trách nhiệm của chủ thể góp vốn trong trường hợp công ty TNHH2TV trở lên tăng vốn điều lệ. Thiếu sót này được LDN 2020 "*kế thừa"*.

Xem xét một cách tổng thể quy định LDN 2014, LDN 2020 có thể thấy, dường như LDN 2014, LDN 2020 không đặt nặng việc giám sát thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào công ty TNHH2TV trở lên khi không quy định cụ thể cơ chế giám sát việc góp vốn vào công ty mà chỉ quy định những hậu quả pháp lý các chủ thể phải gánh chịu như là một biện pháp gián tiếp giám sát nghĩa vụ góp vốn, ràng buộc trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện cam kết góp vốn của mình. .

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

2.2.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Hiện nay, nhu cầu về việc góp vốn thành lập công ty, gia nhập các công ty không ngừng tăng. Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, các doanh nghiệp tồn tại ở quy mô nhỏ mang tính gia đình do đó các mô hình doanh

nghiệp được lựa chọn chủ yếu ở mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn.

Số lượng các nhà đầu tư lựa chọn mô hình công ty TNHH2TV trở lên không ngừng tăng qua các năm và so sánh với các mô hình khác thì số lượng doanh nghiệp được đăng ký mới chỉ thua mỗi công ty TNHH một thành viên. Cụ thể năm 2016, số lượng mô hình công ty TNHH2TV trở lên được đăng ký mới là 27.685 chiếm 25,14%; công ty TNHH một thành viên là 59.848 chiếm 54,36%, doanh nghiệp tư nhân là 4.295 chiếm 3,9%, công ty cổ phần là 18.256 chiếm 16,58%, công ty hợp danh là 16 chiếm 0,02%. Đến năm 2017 con số này vẫn tiếp tục tăng nhưng tốc độ có phần chậm lại, cụ thể số lượng doanh nghiệp đăng ký mới ở mô hình công ty TNHH2TV trở lên là 29.389 chiếm 23,17%.

2.2.2. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

2.2.2.1. Những thành tựu đạt được

LDN 2014 đã có nhiều quy định mới so với LDN 2005 trong việc tối giản thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh cũng như điều chỉnh thời hạn thực hiện nghĩa vụ góp vốn từ 36 tháng xuống còn 90 ngày. Chính những quy định này đã tạo điều kiện cho chủ thể gia nhập thị trường sớm, hạn chế việc tồn tại nhiều doanh nghiệp có số vốn ảo, không có năng lực tài chính. Nhìn chung, sau khi LDN 2014 được ban hành và có hiệu lực trên thực tế đã góp phần lớn trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thúc đẩy thành lập, phát triển và mở rộng kinh doanh của các danh nghiệp.

Đến nay, khi LDN 2020 được ban hành, có hiệu lực vào 01/01/2021 nhiều quy định tiến bộ của LDN 2014 được kế thừa, đồng thời LDN 2020 đã có nhiều quy định nhằm sửa đổi bổ sung những quy định còn hạn chế của LDN 2014. Góp phần lớn trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý trong hoạt động kinh doanh thương mại, tiếp tục tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong việc thành lập và hoạt động thông qua các mô hình doanh nghiệp.

Những quy định tiến bộ trong LDN hiện nay đã góp phần khuyến khích các nhà đầu tư tiến hành kinh doanh, tạo điều kiện cho họ được thực hiện quyền tự do kinh doanh khi thành lập doanh nghiệp trong đó có mô hình công ty TNHH2TV trở lên.

Việc quy định rút ngắn về thời hạn thực hiện nghĩa vụ cũng như trách nhiệm của chủ thể góp vốn khi vi phạm nghĩa vụ đã góp phần hạn chế vi phạm. Các nhà đầu tư cũng chủ động thực hiện nghĩa vụ góp vốn, hạn chế được vi phạm và các tranh chấp liên quan phát sinh trên thực tế. Đồng thời cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan giải quyết tranh chấp cũng dễ dàng thuận tiện trong quá trình thực hiện chức năng của mình.

2.2.2.2. Những hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Có thể điểm qua một hạn chế tiêu biểu từ các vụ tranh chấp:

Một là, các bên trong quan hệ góp vốn chưa hiểu rõ bản chất hành vi góp vốn.

Tranh chấp 1: Tranh chấp liên quan đến việc công ty TNHH2TV trở lên đã cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho chủ thể không đúng theo quy định pháp luật.

Nội dung vụ việc theo bản án số 12/2018/KDTM-PT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Đà Nẵng, về việc tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty.

Với nội dung vụ việc trên tác giả thấy rằng: bên công ty TNHH Thương mại dịch vụ công nghệ số N đã cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho bà Nguyễn Trần Khánh D là chưa phù hợp, dẫn đến bà Nguyễn Trần Khánh D hiểu sai về bản chất của hành vi dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của công ty là hành vi góp vốn. Bên công ty cũng không giải thích rõ mà cấp giấy chứng nhận sai với mục đích. Do đó đây là một trong những vi phạm điển hình khi các chủ thể liên quan đến góp vốn không nắm rõ bản chất của hành vi góp vốn được pháp luật quy định sử dụng sai, cấp sai các giấy tờ liên quan.

Hai là, Các bên trong quan hệ góp vốn không hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện việc nghĩa vụ góp vốn.

Tranh chấp 2: Tranh chấp giữa các bên do không nắm rõ quy định pháp luật về thời hạn góp vốn và hậu quả pháp lý kèm theo. Theo bản án số: 50/KDTM-PT, ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc "*Tranh chấp giữa các thành viên công ty liên quan đến việc thành lập, hoạt động của công ty"*.

Ba là, chưa có cơ chế giám sát việc thực hiện nghĩa vụ góp vốn và chế tài đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ góp vốn.

Tranh chấp 3: Tranh chấp về việc thành viên đã góp vốn nhưng không được công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp và không được thừa nhận tư cách là thành viên công ty. Theo bản án số: bản án số: 400/2018/KDTM-ST, ngày 06 tháng 03 năm 2018 của TAND cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh, về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp vốn".*

Trong bản án này, tranh chấp phát sinh lỗi không chỉ xuất phát từ hành vi cố ý vi phạm pháp luật từ phía bị đơn là công ty TNHH A khi không cấp giấy chứng nhận phần vốn góp, không đăng ký thành viên cho ông Nguyên Thiên P. Mà còn xuất phát từ việc pháp luật hiện hành chưa quy định cơ chế giám sát bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của các bên trong việc góp vốn. Đồng thời các chế tài quy định đối với hành vi đã nhận vốn góp từ thành viên nhưng không đăng ký thay đổi thành viên, không thừa nhận tư cách thành viên của công ty chưa được quy định. Quy định về mức phạt tiền đối với hành vi không cấp giấy chứng nhận phần vốn góp khi nhận được vốn còn thấp chưa mang tính răng đe. Bởi lẽ việc giá trị tài sản góp vốn lớn hơn rất nhiều lần so với mức phạt tiền, nhiều công ty sẵn sàng bỏ qua thủ tục này để chiếm lợi từ phía thành viên.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận văn đã phân tích các quy định và chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quy định của pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên. Các quy định của pháp luật trong Luật doanh nghiệp 2014, Luật doanh nghiệp 2020 các văn bản hướng dẫn thi hành làm cơ sở pháp lý hoạt động góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, các quy định của pháp luật vẫn còn những hạn chế cần phải hoàn thiện.

Luận văn đã phân tích thực trạng về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên qua một số bản án, đó là cơ sở để đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức ở chương tiếp theo của Luận văn.

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu, quyền kinh doanh được mở rộng và bảo vệ, nhu cầu về việc thành lập, gia nhập các mô hình doang nghiệp không ngừng tăng lên trong nhưng năm gần đây. Cùng với đó là nhiều hành vi sai phạm trong quá trình thực hiện góp vốn dẫn đến các tranh chấp phát sinh. Do đó yêu cầu không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp nói chung và góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên là vô cùng cần thiết.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GÓP VỐN TRONG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải dựa trên quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Việc hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên phải thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, quy định Hiến pháp 2013 trong việc đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tuân thủ pháp luật.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên theo hướng đồng bộ hóa hệ thống văn bản pháp luật

Một là, hoàn hiện pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên phải mang tính hệ thống và thống nhất, khắc phục mâu thuẫn chồng chéo trong các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật.

Hai là, hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên phải mang tính đồng bộ đầy đủ.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Việt Nam

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

3.2.1.1. Hoàn thiện quy định về chủ thể có quyền góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Một là, sửa đổi quy định cấm người chưa thành niên góp vốn thành lập công ty TNHH2TV trở lên.

Hai là, bỏ quy định cấm người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự góp vốn thành lập công ty TNHH2TV trở lên.

3.2.1.2. Hoàn thiện quy định về định giá tài sản góp vốn và trách nhiệm của các bên khi tiến hành định giá

Một là, LDN cần bổ sung quy định làm rõ các dấu hiệu nhận biết hành vi cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị được quy định tại điều 16 khoản 5 LDN 2020.

Hai là, LDN cần bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp khi định giá sai giá trị thực tế của tài sản góp vốn.

Ba là, LDN cần bổ sung quy định về căn cứ để xác định phạm vi trách nhiệm liên đới khi định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế để có thể dễ dàng giải quyết hậu quả liên quan đến trách nhiệm vật chất.

Bốn là, LDN cần bổ sung quy định về việc xác định lại tỉ lệ phần vốn góp của các thành viên trong công ty sau khi xử lý hậu quả của việc định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế của tài sản góp vốn.

Năm là, LDN cần bổ sung quy định liên quan về việc định giá tài sản góp vốn thấp hơn giá trị thực tế tài sản góp vốn tại thời điểm góp vốn.

3.2.1.3. Hoàn thiện quy định về thời hạn và trách nhiệm của chủ thể góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Một là, bổ sung quy định về thời hạn góp vốn khi công ty tăng vốn điều lệ.

Hai là, bổ sung chế tài đối với hành vi không đăng ký doanh nghiệp khi công ty có thay đổi về vốn điều lệ và số lượng thành viên.

3.2.2. Giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật

Một là, giải pháp nâng cao khả năng am hiểu pháp luật của các chủ thể liên quan.

Hai là, cần có sự phối hợp hiệu quả của các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện góp vốn trong công ty TNHH2TV trở lên.

Ba là, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH2TV trở lên nói riêng.

Kết luận chương 3

Trong đời sống xã hội các quan hệ xã hội luôn biến đổi không ngừng. Pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội đó đi đúng hướng. Mặt khác quá trình xây dựng pháp luật khó có thể lường hết được những phát sinh trong thực tiễn, chỉ khi triển khai thực hiện một thời gian nhất định mới bộc lộ những bất cập, hạn chế. Chính vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật là một yêu cầu tất yếu khách quan. Trên cơ sở những điểm bất cập, hạn chế còn tồn tại trong quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đã phân tích ở chương 2.

Kết thúc chương 3, Luận văn giải quyết các vấn đề:

Một là, phân tích các định hướng trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Việc hoàn thiện pháp luật các quy định này là cấp thiết, song phải được thực hiện theo những nguyên tắc, định hướng nhất định

Hai là, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật cũng như giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

KẾT LUẬN

Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới hiện nay, bên cạnh những yếu tố về nhân lực, trí lực thì nhu cầu về vốn và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả là nhu cầu thiết yếu của các doanh nghiệp nói chung và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nói riêng.

Hành vi góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là hành vi có ý nghĩa về mặt kinh tế và pháp lý đối với các chủ thể trong quan hệ góp vốn. Tùy thuộc vào mục đích và thời điểm mà hệ quả pháp lý đối với hành vi góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là không giống nhau. Theo đó, tại thời điểm chưa có công ty, các chủ thể cùng nhau cam kết góp vốn để thành lập nên một công ty mới, hành vi góp vốn chính là một trong các yếu tố hoàn tất thủ tục thành lập công ty. Ngoài ra, đối với trường hợp góp vốn vào một công ty đã được thành lập thì hành vi góp vốn là một trong những cách công ty tăng vốn điều lệ. Không chỉ góp phần hình thành nên vốn điều lệ công ty, mà hành vi góp vốn còn làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của chủ thể góp vốn đối với phần vốn góp của họ trong công ty.

Do đó việc nghiên cứu và làm rõ những quy định pháp luật hiện hành về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên qua đó phát hiện những hạn chế và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện là điều thiết yếu. Đặc biệt là giai đoạn hiện nay, khi Luật doanh nghiệp 2014 vừa hết hiệu lực, Luật doanh nghiệp 2020 mới được ban hành, có hiệu lực từ 01/01/2021. Trong giai đoạn thay đổi sự điều chỉnh của các đạo luật doanh nghiệp, tác giả tiến hành phân tích làm rõ Luật doanh nghiệp 2014, lồng ghép với Luật doanh nghiệp 2020 nhằm làm rõ những hạn chế về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong Luật doanh nghiệp 2014, chỉ ra những hạn chế đã được sửa đổi trong luật doanh nghiệp 2020 và những hạn chế còn tồn tại, để từ đó kiến nghị hoàn thiện.

Với cách tiếp cận như vậy, luận văn đã nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề sau:

1. Hình thành cơ sở lý luận về hành vi góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Làm rõ nội dung quy định Luật doanh nghiệp 2014 và Luật doanh nghiệp 2020 về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên..

3. Từ việc đánh giá những hạn chế trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, luận văn đã đưa ra các định hướng và kiến nghị cụ thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về góp vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.